

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 5 - 2021

V/v “Ly hôn, Tranh chấp về  
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Phục;
2. Ông Phan Công Điện.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “ *Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HN, ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HN, ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Thị H**, sinh năm 1992.

*Địa chỉ:* khu vực 4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1987.

*Địa chỉ:* ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị H (sau đây gọi chị H trình bày: giữa chị và bị đơn Nguyễn Văn G (sau đây gọi anh G) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị không quan

tâm, lo lắng gia đình, thường xuyên đi nhậu, về lại kiếm chuyện cãi vã, có hành vi đánh đập chị, từ đó bất đồng quan điểm sống trong nhiều việc nên tình cảm vợ chồng phai nhạt; đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh G.

-Về con chung: có hai người con chung:

1. Nguyễn Thị L (nữ), sinh ngày 07 tháng 02 năm 2014;

2. Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày 04 tháng 11 năm 2015.

Từ khi ly thân đến nay con chung sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung, chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Văn G có bản tự khai trình bày: Vợ chồng anh chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn, có hai người con chung, anh luôn thương yêu vợ con, vợ chồng có những mâu thuẫn nhưng chỉ là những bất đồng nhỏ, do còn thương vợ con nên anh chưa đồng ý ly hôn. Nếu vợ anh cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và đồng ý để hai con chung cho vợ anh nuôi dưỡng, anh chưa cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh G yêu cầu được nuôi một người con là cháu L, vợ anh nuôi cháu B, chưa ai phải cấp dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 3 năm 2021, cháu L trình bày (có sự chứng kiến của chị H): khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: chị H và anh G qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới đời sống hôn nhân vào năm 2012, đến ngày 17 tháng 4 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận An, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: chị và anh G trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng những quan điểm trong cuộc sống nhưng không tìm được giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, anh G chưa đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để đoàn tụ. Trong khi tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh G và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: có hai người con chung, anh chị có tranh chấp về quyền nuôi con, cả hai đều có tình cảm thiêng liêng giành cho con. Tuy nhiên, anh Giỏi phải thường xuyên đi làm thuê ở xa, mặt khác, xét từ khi ly thân đến nay các con chung do chị H nuôi, chị H có yêu cầu nuôi hai con, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng cháu L, xét các cháu có cuộc sống ổn định với chị H, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, cần tiếp tục giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị H, anh G có yêu cầu khác.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị H chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn G mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn G.
2. Về nuôi con chung: giao hai cháu Nguyễn Thị L (nữ), sinh ngày 07 tháng 02 năm 2014 và cháu Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày 04 tháng 11 năm 2015 cho Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi anh G, chị H có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Văn G chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn G mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008609, ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND P. A,
- Q. N, TP Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**  
**Nguyễn Thanh Liêm**